TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 198/2022/QĐST-HNGĐ.	*Tp.Kon Tum, ngày 23 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Tô Thị L, sinh năm 1984;
- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 20 Phù Đổng, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tô Thị L và anh Trần Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tô Thị L và anh Trần Văn H tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

-*Về con chung*: Giao con chung Trần Ngọc H1, sinh ngày 07/11/2012 cho chị Tô Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Trần Minh H2, sinh ngày 30/01/2004cho anh Trần Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh, chị có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:*Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị L đồng ý chịu toàn bộ 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Do vậy, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Lý đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000903 ngày 14/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K. Hoàn trả lại cho chị Lý 150.000 đồng.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao tại Đ;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Chi cục THADS.TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Mai Thị Thu